

Số: 489 /QĐ-ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Trung Vương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 124A/QĐ-ĐHTV ngày 03/06/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trung Vương;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-ĐHTV ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các đơn vị thuộc Trường Đại học Trung Vương;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Trung Vương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 669/QĐ-ĐHTV ngày 30/12/2021 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Trung Vương.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT, TTr-PC



TS. Nguyễn Huy Oanh

QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Trung Ương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-ĐHTV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trung Ương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Trung Ương.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Trường Đại học Trung Ương (sau đây gọi tắt là Trường), các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

3. Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tương ứng.

4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

6. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

8. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

9. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

10. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

11. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

12. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

13. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục

đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo

1. Nguyên tắc chung

Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các ngành, các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc cải tiến. Trường hợp chuẩn chương trình đào tạo của ngành chưa được ban hành, các khoa chuyên môn, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của Trường tham khảo các quy định tại Chương II Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

2. Nguyên tắc cụ thể

a) Thể hiện được mục tiêu của chương trình đào tạo trong kết quả đào tạo từng học phần và từng khối lượng kiến thức;

b) Đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau;

c) Đảm bảo tích hợp kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn với rèn luyện các kỹ năng;

d) Học tập trải nghiệm nhằm rèn luyện các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học thông qua thực hành, thực tế và những tình huống tương tự phát sinh;

đ) Chương trình đào tạo cần tích hợp phát triển các kỹ năng, phẩm chất đạo đức qua nội dung từng học phần và nhóm học phần theo trình tự giảng dạy các học phần thể hiện qua bảng đối chiếu mục tiêu học tập hay ma trận mục tiêu học tập, chỉ rõ mục tiêu học tập từng học phần, từng khối kiến thức đóng góp vào mục tiêu của chương trình đào tạo.

Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải thể hiện được kỳ vọng của Trường về năng lực chuyên môn và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo của Trường: định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sử dụng lao động và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Việc cải tiến, đổi mới các ngành đào tạo, chương trình đào tạo về phương pháp đào tạo, cách thức triển khai đào tạo và đánh giá cải tiến chất lượng dựa trên cơ sở xác định nội dung và mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên tốt nghiệp.

Điều 5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo được xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 5 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT. Cụ thể như sau:

1. Chuẩn về kiến thức

a) Khối kiến thức chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*kiến thức nền tảng chung, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan*);

b) Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (*kiến thức chung đặc thù của lĩnh vực đào tạo, kiến thức liên ngành*);

c) Khối kiến thức chung của khối ngành (*kiến thức chung đặc thù của khối ngành đào tạo*);

d) Khối kiến thức chung của nhóm ngành (*kiến thức khoa học cốt lõi đặc thù của nhóm ngành*);

đ) Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp (*kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, tiểu luận, khóa luận, đồ án...*).

2. Chuẩn về kỹ năng

a) Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề (*các kỹ năng: lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu trên Internet, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành*);

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (*gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị*);

- Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (*gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức*);

- Kỹ năng tư duy một cách hệ thống (*là khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ*);

- Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (*trách nhiệm của các cử nhân, hiểu tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu*);

- Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc (*văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị*);

- Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (*khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp; khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp; khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp*);

- Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp (có khả năng nghiên cứu cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi; cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động tiên tiến).

b) Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức và các kỹ năng khác để học tập suốt đời);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ;

- Các kỹ năng mềm khác.

3. Phẩm chất đạo đức

a) Phẩm chất đạo đức cá nhân (sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo);

b) Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động trong công việc);

c) Phẩm chất đạo đức xã hội (có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới).

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp

Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học là khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong việc tổ chức, thực hiện một công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm và cộng đồng. Cụ thể:

a) Khả năng tiếp nhận thể hiện mức độ cảm giác được sự tồn tại của sự vật, hiện tượng; bằng lòng tiếp nhận (công nhận, nhận biết, chấp nhận, ý thức được, hỏi, để ý, mô tả, quan sát, tuân thủ, nhận định, lắng nghe, nhìn nhận);

b) Khả năng đáp ứng thay đổi hành vi để phản ánh thái độ, chủ động và sẵn lòng tham gia (hành xử, phản ứng, làm rõ, tuân theo, làm cho đúng, phối hợp, xem xét, dò xét, lựa chọn, giải thích, luyện tập, bày tỏ, thuộc lòng, tán thành, theo đuổi, đóng góp, tình nguyện);

c) Năng lực tự đánh giá hoặc nội tâm hóa thể hiện sự tiếp nhận thông tin, hiểu và tán thành/phản đối giá trị thông tin, có cảm nhận tốt/xấu về thông tin (thích ứng, cân

bằng, phản kháng, phê bình, đối chiếu, so sánh, phân biệt, bảo vệ, biện hộ, thuyết phục, tìm kiếm, thừa nhận, tán thành, đề nghị);

d) Năng lực tổ chức thể hiện việc hiểu, so sánh và tổng hợp được giá trị của thông tin tiếp nhận (*thay đổi, điều chỉnh, tổ chức, so sánh, đánh giá, phát triển, tích hợp, sắp xếp, hình thành, thiết lập, kết nối, trung thành, gắn kết*);

đ) Năng lực tự hình thành phát triển phẩm chất thể hiện khả năng tích hợp niềm tin, tư tưởng và thái độ (*thực hiện, biểu lộ, biện hộ, ảnh hưởng, đề xuất, đại diện, kiểu mẫu, xác nhận giá trị, biện giải, thôi thúc, duy trì, gìn giữ, kiên nhẫn, ủng hộ, cống hiến, đặc trưng cho tính cách*).

Điều 6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng ứng dụng mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

Điều 7. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

d) Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

Điều 8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo;

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7.

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần

riêng theo từng ngành;

c) Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

4. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ.

a) Định hướng nghiên cứu: khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác;

b) Định hướng ứng dụng: thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án.

5. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo tiến sĩ.

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

Điều 9. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

1. Chuẩn chương trình phải quy định những yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

- a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;
- b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;
- d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

3. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:

- a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ;
- b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- c) Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình;
- d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỷ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

4. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:

- a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;
- b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu;
- c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

5. Chuẩn chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định yêu cầu cụ thể về đội ngũ giảng viên không thấp hơn quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này; yêu cầu cụ thể về tỉ lệ người học trên giảng viên; yêu cầu về đội ngũ nhân lực hỗ trợ đào tạo (nếu cần thiết), phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

Điều 11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Chuẩn chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định những yêu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn

đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 12. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là số lẻ, có từ 7 đến 11 thành viên.
2. Thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần như sau:
 - a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.
 - b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.
 - c) Cơ cấu Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của trường, có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học) và phó giáo sư trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo sau đại học).
3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trưởng khoa chuyên môn.

Điều 13. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở giáo dục đào tạo khác nhau và các Ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.
2. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - a) Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới.
 - b) Các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục.
 - c) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.
 - d) Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học trong và ngoài nước tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Điều 14. Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo, cải tiến chương trình đào tạo

1. Cuối mỗi năm học, Phòng Đảm bảo chất lượng rà soát các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo hiện hành, dự thảo Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo, cải tiến chương trình đào tạo của Trường.

2. Hiệu trưởng ký, ban hành Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo, cải tiến chương trình đào tạo năm học của Trường.

Điều 15. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

1. (Bước 1) Xây dựng kế hoạch

a) Căn cứ kế hoạch của Trường, các khoa xây dựng kế hoạch chi tiết để xây dựng chương trình đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành thuộc khoa quản lý và lập dự toán kinh phí theo quy định hiện hành;

b) Trường hợp mở ngành mới, cần thực hiện điều kiện đánh giá mở ngành, lập đề án mở ngành theo các quy định mở ngành hiện hành.

2. (Bước 2) Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo theo Điều 12 Quy định này.

3. (Bước 3) Thu thập thông tin từ các bên liên quan

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo lập kế hoạch và xác định phương pháp thu thập thông tin từ các bên liên quan.

b) Phương pháp thu thập thông tin có thể bao gồm hội thảo, phiếu khảo sát, họp chuyên môn, phỏng vấn... Trường hợp nhà trường có mẫu phiếu khảo sát chung, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có thể điều chỉnh phiếu khảo sát này cho phù hợp với nhu cầu của từng chương trình và trình độ đào tạo.

c) Hình thức thu thập thông tin có thể bao gồm phỏng vấn, gửi văn bản trực tiếp, online, gửi email ...

d) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đứng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

đ) Nội dung tối thiểu cần thu thập thông tin bao gồm: nhu cầu nhân lực theo tình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo; yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, chuẩn đầu ra và yêu cầu về năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

e) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định quy mô thu thập thông tin cho bước 3 và bước 8 dựa trên dự toán, nhu cầu và tình hình thực tế.

g) Nội dung báo cáo thu thập thông tin phải bao quát các đối tượng, nội dung và phương pháp thu thập thông tin.

4. (Bước 4) Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo căn cứ vào thông tin thu được ở bước 3 và Điều 5, Điều 6 Quy định này để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b) Tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan để hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

c) Hội đồng Khoa học và Đào tạo đánh giá và thông qua chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(kèm theo Phụ lục 1 Quy định này)

5. (Bước 5) Xác định khối lượng học tập và cấu trúc chương trình đào tạo

Từ thông tin thu được tại Khoản 3, mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định theo Khoản 4 Điều này và tham khảo chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định khối lượng học tập, cấu trúc chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được phân bổ, truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra các học phần.

6. (Bước 6) Đối sánh chương trình đào tạo

Thực hiện đối sánh cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo với chương trình cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước. Cần đối sánh với tối thiểu 02 chương trình đào tạo trong nước và 1 chương trình đào tạo nước ngoài.

7. (Bước 7) Tổ chức lấy ý kiến về chương trình đào tạo

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo. Các nhóm đối tượng cần lấy ý kiến tương tự như quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

c) Hội đồng Khoa học và Đào tạo đánh giá, thông qua chương trình đào tạo và đề xuất thẩm định chương trình đào tạo.

8. (Bước 8) Thẩm định chương trình đào tạo

a) Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo yêu cầu tại Điều 13 Quy định này;

b) Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với quy định tại Điều 4 Quy định này và các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo.

c) Hội đồng thẩm định kết luận rõ một trong các nội dung sau: thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua.

d) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo giải trình các ý kiến Phản biện của Hội đồng thẩm định và tiến hành chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có).

e) Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét thông qua chương trình đào tạo.

9. (Bước 9) Ban hành chương trình đào tạo

a) Căn cứ ý kiến và đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng ký, ban hành chương trình đào tạo.

b) Công bố chương trình đào tạo đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.

10. Khoa chuyên môn tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu trong quy chế đào tạo hiện hành của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 16. Đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá các chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải đánh giá theo các yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo hoặc chuẩn chương trình đào tạo đã được cập nhật (nếu có) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Phải có kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan.

c) Phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy).

d) Phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải được đánh giá định kỳ ít nhất một lần trong 2,5 năm. Chương trình đào tạo phải được rà soát, cập nhật và cải tiến tổng thể định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm. Trường công bố chương trình đào tạo dưới dạng

chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cải tiến.

4. Đề cương chi tiết các học phần cần được rà soát, cập nhật định kỳ khi có sự thay đổi về giáo trình, tài liệu tham khảo, phê duyệt ứng dụng các nghiên cứu khoa học mới vào giảng dạy hoặc theo góp ý của các bên liên quan. Khoa chuyên môn tổ chức việc rà soát và cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương đã cập nhật.

Điều 17. Quy trình rà soát, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát, đánh giá chuẩn đầu ra của mỗi chương trình đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành thuộc khoa quản lý; trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp, kết luận, đề nghị Hiệu trưởng quyết định về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 18. Quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

1. (Bước 1) Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành thuộc khoa quản lý và lập dự trù kinh phí thực hiện, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. (Bước 2): Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

Trưởng khoa đề xuất việc sử dụng Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hiện hành hoặc trình Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mới theo Điều 12 Quy định này.

3. (Bước 3) Thu thập thông tin từ các bên liên quan

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định các thông tin đã có và phương pháp thu thập thông tin bổ sung (nếu cần) từ các bên liên quan.

b) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, các phòng ban chuyên môn, người học, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn...

4. (Bước 4) Đánh giá tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện

a) Xử lý, phân tích thông tin thu thập theo Khoản 3 Điều này.

b) Lập báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đang thực hiện.

c) Đối sánh với chương trình đào tạo cùng ngành trong và ngoài nước.

d) Tổng hợp minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cũng như dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật.

5. (Bước 5): Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật

a) Những nội dung cần sửa đổi, cập nhật như: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, khối lượng học tập cần thiết, kế hoạch đào tạo, ma trận kỹ năng, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, nội dung các học phần....

b) Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo; tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan;

c) Đề xuất nội dung của chương trình đào tạo cần sửa đổi, cập nhật, nêu rõ lý do, được sắp xếp theo thứ tự của chương trình đào tạo; trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo đánh giá và báo cáo Hiệu trưởng.

6. (Bước 6): Đánh giá chương trình đào tạo được cải tiến

a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo đánh giá, thông qua chương trình đào tạo được cải tiến. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề xuất lấy ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trước khi thông qua chương trình đào tạo.

b) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 14 Quy định này.

7. (Bước 7) Ban hành chương trình đào tạo được cải tiến

a) Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng ký, ban hành chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chương trình đào tạo hiện hành).

b) Công bố chương trình đào tạo được cải tiến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.

8. Khoa chuyên môn tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo được cải tiến trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra, ma trận kỹ năng và yêu cầu trong quy chế đào tạo hiện hành của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thực hiện

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo xây dựng các biểu mẫu cần thiết để thực hiện Quy định này.

2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với khoa chuyên môn, tổ chức rà soát, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan để cải tiến tổng thể chương trình đào tạo tối thiểu 05 năm/lần và theo nhu cầu thực tế.

3. Khoa chuyên môn thực hiện rà soát và đáp ứng các yêu cầu về đội ngũ giảng viên theo quy định tại thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và các quy định hiện hành.

4. Khoa chuyên môn, phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học lưu trữ các chương trình đào tạo và đề cương chi tiết theo quy định.

5. Phòng Thanh tra-Pháp chế tham mưu Hiệu trưởng tổ chức thanh tra/kiểm tra việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường.

Điều 20. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về chương trình đào tạo

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giúp Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Đào tạo và Khoa Sau đại học phối hợp với Phòng Tuyển sinh-Truyền thông có trách nhiệm công khai thông tin trên trang thông tin điện tử:

a) Thông báo về chương trình đào tạo mới ban hành hoặc chương trình đào tạo sau khi cải tiến (nếu có). Thông báo cần nêu rõ chương trình đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm học cụ thể.

b) Tình trạng kiểm định của các chương trình đào tạo đang thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG



TS Nguyễn Huy Oanh

Phụ lục 1. Các bước xây dựng CĐR của chương trình đào tạo

Bước 1. Trường khoa thành lập nhóm và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng CĐR cho ngành đào tạo. Nhóm chuyên gia gồm các đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, ...); giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; chuyên gia trong và ngoài nước từ các trường đại học và viện nghiên cứu liên quan đến ngành đào tạo; sinh viên và cựu sinh viên.

Bước 2. Trường khoa tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CĐR (Hội thảo lần 1).

Bước 3. Nhóm chuyên gia nghiên cứu các chương trình đào tạo (CTĐT) hiện hành của ngành (trong và ngoài Trường), đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục CĐR của ngành (*Dự thảo CĐR 1*) hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp. Nhóm chuyên gia lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR.

Bước 4. Nhóm chuyên gia tham khảo câu hỏi mẫu để thiết kế phiếu điều tra phù hợp với các đối tượng được hỏi và những thông tin cần biết (*Phụ lục 3, 4*). Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và những người thực hiện khảo sát. Mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức được mô tả theo các cấp độ thành thạo: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra. Kết quả của bước này là *Mẫu phiếu điều tra cho các đối tượng khác nhau*.

Bước 5. Nhóm chuyên gia thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm: giảng viên, cán bộ phòng đào tạo, trung tâm/bộ phận kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, cán bộ và lãnh đạo phòng nhân sự, trưởng các bộ phận của đơn vị sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp trong vòng 5 năm, sinh viên năm cuối,

Bước 6. Nhóm chuyên gia tập hợp và xử lý số liệu thu được (sử dụng phần mềm chuyên dụng). Đối với các dữ liệu định lượng: lập bảng biểu và xử lý kết quả; thực hiện các thống kê mô tả, tần suất và tính toán độ tin cậy của các câu trả lời và xử lý thông tin. Đối với các dữ liệu định tính: đọc tất cả các câu trả lời; sắp xếp thành những nhóm tương đồng; phân loại nhóm theo tiêu chí; xác định các câu trả lời điển hình hoặc mối liên hệ của các câu trả lời trong mỗi nhóm. Từ thông tin thu được, nhóm chuyên gia bổ sung, hoàn thiện dự thảo CĐR cho ngành đào tạo, gửi các giảng viên trong khoa góp ý. Trên cơ sở này xây dựng *Dự thảo CĐR* lần 2.

Bước 7: Trường khoa tổ chức Hội thảo lần 2 để lấy ý kiến đóng góp từ đại diện các nhà quản lý (cán bộ phòng đào tạo, trung tâm/bộ phận đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học), nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên...; đối chiếu CĐR với mức 3 bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT ban hành theo TT số 04/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ GD&ĐT, các tiêu chí kiểm định quốc tế của ngành đào tạo đối sánh (nếu có) và hoàn thiện CĐR dựa vào định

vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo; đối chiếu, rà soát các khối kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học đã được trang bị theo dự thảo CDR 2 có phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của sản phẩm đào tạo của ngành học (*Biểu mẫu Phụ lục....*); tóm tắt CDR theo hệ thống để xây dựng mục tiêu CTĐT tương ứng.

Bước 8: Trưởng khoa trực thuộc tập hợp CDR, tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp thêm và thông qua Hội đồng khoa học đào tạo để có được CDR hoàn thiện của tất cả các ngành đào tạo trong đơn vị. Sản phẩm của bước này là *Bản CDR của các ngành đào tạo của đơn vị (Biểu mẫu Phụ lục...*

Bước 9: Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp và hoàn thiện văn bản chuẩn đầu ra, Trưởng Khoa trình Hiệu trưởng ký công bố CDR các ngành đào tạo của đơn vị. CDR được đăng trên trang chủ (website) của Trường và đơn vị đào tạo, sổ tay sinh viên, sổ tay giảng viên, tờ rơi và gửi báo cáo Bộ GDĐT.